|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẢNG BỘ…****CHI BỘ...** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***......, ngày ... tháng ... năm 20....* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG SINH HOẠT CHI BỘ**

**THÁNG .../2023**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tiêu chí đánh giá | Điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Ghi chú |
| I | Tỷ lệ đảng viên dự sinh hoạt chi bộ | 10 |  |  |
| 1 | Đảng viên dự sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Đảng viên dự sinh hoạt đạt tỷ lệ trên 85% | 5 |  |  |
| - Đảng viên dự sinh hoạt đạt tỷ lệ từ 70% đến 85% | 4 |  |  |
| - Đảng viên dự sinh hoạt đạt tỷ lệ từ 60% đến dưới 70% | 3 |  |  |
| - Đảng viên dự sinh hoạt đạt tỷ lệ dưới 60% | 2 |  |  |
| 2 | Đảng viên vắng sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Không có đảng viên vắng mặt không có lý do hoặc có đảng viên vắng mặt có lý do quá 01 lần liên tiếp trong năm | 5 |  |  |
| - Có 01 đảng viên vắng mặt không có lý do hoặc có đảng viên vắng mặt có lý do quá 02 lần liên tiếp trong năm | 3 |  |  |
| - Có từ 02 đảng viên trở lên vắng mặt không có lý do hoặc có đảng viên vắng mặt có lý do quá 03 lần liên tiếp trong năm | 1 |  |  |
| II | Công tác chuẩn bị sinh hoạt chi bộ | 20 |  |  |
| 1 | Chuẩn bị nội dung sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Bí thư hoặc phó bí thư chi bộ trực tiếp chuẩn bị nội dung sinh hoạt theo hướng dẫn của cấp trên | 5 |  |  |
| - Bí thư hoặc phó bí thư chi bộ không trực tiếp chuẩn bị nội dung sinh hoạt theo hướng dẫn của cấp trên | 0 |  |  |
| 2 | Họp chi ủy trước khi sinh hoạt chi bộ (bí thư, phó bí thư hội ý nơi không có chi ủy) |  |  |  |
| - Chi ủy có họp thống nhất nội dung sinh hoạt, xác định được nội dung trọng tâm cần trao đổi thảo luận, biểu quyết tại chi bộ | 5 |  |  |
| - Chi ủy có họp thống nhất nội dung sinh hoạt, nhưng chưa xác định được nội dung trọng tâm cần trao đổi thảo luận, biểu quyết tại chi bộ | 3 |  |  |
| - Chi ủy không tổ chức họp trước khi họp chi bộ | 0 |  |  |
| 3 | Chất lượng nội dung chuẩn bị sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Nội dung sinh hoạt được chuẩn bị kỹ lưỡng, đúng theo quy định, hướng dẫn của cấp trên và gửi trước tài liệu sinh hoạt cho đảng viên | 10 |  |  |
| - Nội dung sinh hoạt chưa chuẩn bị kỹ lưỡng hoặc chưa đầy đủ theo hướng dẫn của cấp trên nhưng có gửi trước tài liệu sinh hoạt cho đảng viên | 7 |  |  |
| - Nội dung sinh hoạt được chuẩn bị sơ sài, mang tính hình thức, chưa đầy đủ theo hướng dẫn của cấp trên, chưa gửi trước tài liệu sinh hoạt cho đảng viên | 4 |  |  |
| III | Tổ chức sinh hoạt chi bộ | 40 |  |  |
| 1 | Thời điểm tổ chức sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Tổ chức sinh hoạt chi bộ đúng thời gian quy định (đúng lịch họp do chi bộ đề ra ngay từ đầu năm) | 5 |  |  |
| - Tổ chức sinh hoạt chi bộ chưa đúng thời gian quy định (chưa đúng lịch họp do chi bộ đề ra ngay từ đầu năm) | 3 |  |  |
| 2 | Thực hiện nội dung, trình tự sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Thực hiện đầy đủ các nội dung, trình tự theo chương trình sinh hoạt chi bộ đã được hướng dẫn của cấp trên | 5 |  |  |
| - Thực hiện chưa đầy đủ các nội dung, trình tự theo chương trình sinh hoạt chi bộ đã được hướng dẫn của cấp trên | 4 |  |  |
| - Thực hiện không đúng nội dung, trình tự theo chương trình sinh hoạt chi bộ đã được hướng dẫn của cấp trên | 3 |  |  |
| 3 | Chất lượng tổ chức sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ hằng tháng đánh giá toàn diện kết quả hoạt động, hạn chế, nguyên nhân, đề ra được nhiệm vụ trọng tâm tháng tiếp theo; có nhiều đảng viên tham gia phát biểu ý kiến (ít nhất có 20% trên tổng số đảng viên chi bộ); phương pháp điều hành của người chủ trì linh hoạt, hiệu quả | 15 |  |  |
| - Nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ hằng tháng có đánh giá được kết quả hoạt động nhưng chưa đầy đủ; ít đảng viên tham gia phát biểu ý kiến; phương pháp điều hành của người chủ trì chưa linh hoạt, hiệu quả | 10 |  |  |
| - Nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng không toàn diện kết quả hoạt động, đề ra nhiệm vụ trọng tâm tháng tiếp theo; đảng viên không tham gia phát biểu ý kiến; người chủ trì trong điều hành sinh hoạt chi bộ còn lúng túng, chưa linh hoạt | 5 |  |  |
| 4 | Thời gian sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Sinh hoạt chi bộ bảo đảm từ 90 phút trở lên, nếu kết hợp với sinh hoạt chuyên đề bảo đảm thời gian tối thiểu 120 phút; đối với chi bộ dưới 9 đảng viên chính thức bảo đảm thời gian từ 60 phút trở lên, nếu kết hợp với sinh hoạt chuyên đề bảo đảm thời gian tối thiểu 90 phút | 5 |  |  |
| - Sinh hoạt chi bộ thời gian từ 60 phút đến dưới 90 phút, nếu kết hợp với sinh hoạt chuyên đề thời gian dưới 120 phút; đối với chi bộ dưới 9 đảng viên chính thức thời gian từ 45 phút đến dưới 60 phút, nếu kết hợp với sinh hoạt chuyên đề thời gian dưới 90 phút | 3 |  |  |
| - Sinh hoạt chi bộ thời gian dưới 60 phút, nếu kết hợp với sinh hoạt chuyên đề thời gian dưới 90 phút; đối với chi bộ dưới 9 đảng viên chính thức thời gian dưới 45 phút, nếu kết hợp với sinh hoạt chuyên đề thời gian dưới 75 phút | 0 |  |  |
| 5 | Kịp thời biểu dương đảng viên tiêu biểu hoặc nhắc nhở, chấn chỉnh đảng viên có hạn chế, khuyết điểm nhưng chưa đến mức xử lý kỷ luật |  |  |  |
| - Trong tháng có thực hiện nội dung biểu dương đảng viên tiêu biểu (nếu chi bộ không có đảng viên tiêu biểu để biểu dương thì không bị trừ điểm); nhắc nhở, phê bình đảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ hoặc có hạn chế, khuyết điểm (nếu có) | 5 |  |  |
| - Trong tháng chưa kịp thời biểu dương đảng viên tiêu biểu, hoặc nhắc nhở, phê bình đảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ, có hạn chế, khuyết điểm (nếu có) | 3 |  |  |
| - Trong tháng không thực hiện việc biểu dương đảng viên tiêu biểu, hoặc nhắc nhở, phê bình đảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ, có hạn chế, khuyết điểm (nếu có) | 0 |  |  |
| 6 | Có cách làm hay để nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, hoặc cải tiến, đề xuất mô hình sinh hoạt chuyên đề đạt chất lượng, hiệu quả | 2 |  |  |
| 7 | Ghi chép diễn biến sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Có mở sổ biên bản, ghi chép đầy đủ diễn biến của buổi sinh hoạt và được lưu giữ, bảo quản cẩn thận | 3 |  |  |
| - Không mở sổ biên bản. | 0 |  |  |
| IV | Thực hiện nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng | 15 |  |  |
| 1 | Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Những nội dung cần phải có ý kiến của tập thể phải được đưa ra chi bộ để bàn bạc, thảo luận một cách dân chủ, công khai. Biểu quyết những nội dung quan trọng hoặc còn có ý kiến khác nhau, bảo lưu ý kiến thuộc về thiểu số. | 5 |  |  |
| - Những nội dung cần phải có ý kiến của tập thể nhưng chỉ đưa ra lấy ý kiến chi bộ các vấn đề trọng tâm, quan trọng hoặc chưa ghi nhận ý kiến của cá nhân tham gia đóng góp | 3 |  |  |
| 2 | Thực hiện tự phê bình và phê bình |  |  |  |
| - Chi ủy, đảng viên tự giác nhìn nhận những hạn chế, khuyết điểm và nghiêm túc, thực sự cầu thị khi nhận những ý kiến đóng góp, có đề ra hướng khắc phục | 5 |  |  |
| - Chi ủy, đảng viên chưa tự giác nhìn nhận những hạn chế, khuyết điểm, chưa nghiêm túc và thực sự cầu thị khi nhận những ý kiến đóng góp chân thành, thẳng thắng, mang tính xây dựng | 2 |  |  |
| 3 | Bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ |  |  |  |
| - Thực hiện tốt việc phát huy những mặt mạnh, chỉ ra được những hạn chế, khuyết điểm của chi bộ, chi ủy, đảng viên; mạnh dạn đấu tranh với bệnh thành tích, tiêu cực trong chi bộ | 5 |  |  |
| - Chưa thực hiện tốt việc phát huy những mặt mạnh, chỉ ra được những hạn chế, khuyết điểm của chi bộ, chi ủy, đảng viên; còn tình trạng ngại va chạm, nể nang, né tránh, dĩ hoà vi quý | 2 |  |  |
| V | Kết quả lãnh đạo thực hiện kết luận hoặc nghị quyết của chi bộ | 15 |  |  |
|  | - Kết luận hoặc nghị quyết của chi bộ, nhiệm vụ cấp trên giao được lãnh đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo 100% các nội dung. Giải quyết tốt các nội dung phát sinh. | 15 |  |  |
| - Kết luận hoặc nghị quyết của chi bộ nhiệm vụ cấp trên giao được lãnh đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo trên 2/3 các nội dung. | 10 |  |  |
| - Kết luận hoặc nghị quyết của chi bộ nhiệm vụ cấp trên giao được lãnh đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo trên 1/2 các nội dung. | 5 |  |  |
|  | Tổng điểm | 100 |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **T/M CHI BỘ****BÍ THƯ***(Ký tên, ghi rõ họ tên;**nếu chi bộ cơ sở thì đóng dấu)* |